

Bản án số: 795/2026/DS-PT

Ngày: 29 - 9 - 2026

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH QUỐC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Cao Khánh

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Giang Thị Cẩm Thúy

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thủy Anh - Là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Bùi Trung Biền - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 21 và 29 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 436/2026/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2026/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 602/2026/QĐ-PT ngày 10 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Huỳnh Ngọc B, sinh ngày: 03/09/1970 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096070000992; cấp ngày: 04/04/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Số B, đường K, khóm A, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của ông B: Ông Nguyễn Toàn T, sinh ngày: 30/04/1985; Căn cước số: 096085013248; cấp ngày: 09/05/2025; nơi cấp: Bộ C; Cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Cà Mau (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 27/11/2025) (có mặt).

- Bị đơn: Bà Nguyễn Kiều M, sinh ngày 20/08/1982 (vắng mặt).

Căn cước công dân số: 096182014123; cấp ngày: 10/08/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội.

Cư trú tại: Nhà không số, đường K, khóm H, phường H, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện theo ủy quyền của bà M: Ông Trần Hoàng B1, sinh ngày: 01/01/1981; Căn cước công dân số: 096081003852; cấp ngày: 28/09/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cư trú tại: Ấp T, xã T, tỉnh Cà

Mau (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 19/5/2026) (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Ông Huỳnh Ngọc B là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Nguyễn Toàn T trình bày:

Vào ngày 16 tháng 12 năm 2016 âm lịch nhằm ngày 13 tháng 01 năm 2017 dương lịch, ông Huỳnh Ngọc B có cho bà Nguyễn Kiều M vay 50.000.000 đồng, có viết “giấy vay tiền” vào ngày 16/12/2016, không có thỏa thuận lãi trong giấy vay tiền là bao nhiêu nhưng theo thông lệ là mỗi tháng ngầm hiểu trả lãi 04%, cho bà M chủ động trong việc trả nợ. Hai bên đã ký vào “giấy vay tiền” và ông B đã giao đủ 50.000.000 đồng cho bà M.

Ông B nhiều lần yêu cầu bà M trả nợ nhưng bà M không trả. Nay ông B yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà Nguyễn Kiều M hoàn trả số tiền vay gốc là 50.000.000 đồng. Trả tiền lãi từ ngày vay là ngày 13/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 112 tháng, tính theo lãi suất quy định là 10%/năm, tương đương 0.83%/tháng. Tổng số tiền lãi là 46.480.000 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 96.646.000 đồng, làm tròn là 96.600.000 đồng.

Lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và được bổ sung tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Trần Hoàng B1 trình bày:

Bà M không có vay tiền của ông Huỳnh Ngọc B, cũng không có viết biên nhận vay tiền như đại diện nguyên đơn trình bày, bà M không có quen với ai tên Huỳnh Ngọc B. Bà M không biết chữ nên chữ ký chữ viết trong giấy nhận tiền là không phải chữ ký, chữ viết của bà M. Do đó, bà M không đồng ý yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 189/2026/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, đã quyết định (tóm tắt):

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Huỳnh Ngọc B về việc yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Kiều M trả số tiền vay tổng cộng vốn và lãi là 96.600.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng cáo của đương sự theo luật định.

Ngày 09 tháng 7 năm 2026 ông Huỳnh Ngọc B là nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 189/2026/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Ngọc B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ kết quả giám định, chấp nhận kháng cáo của

ông B, sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông B, buộc bà Nguyễn Kiều M trả cho ông B vốn vay 50.000.000 đồng, lãi 46.480.000 đồng, tổng là 96.480.000 đồng.

Trước khi mở phiên tòa, ông Trần Hoàng B1 là đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Kiều M điện thoại báo với Thư ký tòa là ông bị chóng mặt, đang cấp cứu trong bệnh viện Q - Dân y tỉnh Cà Mau nên xin hoãn phiên tòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tiến hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; Các đương sự chấp hành đúng với quyền và nghĩa vụ theo pháp luật quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc B, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 189/2026/DS-ST ngày 25/6/2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bà Nguyễn Kiều M trả cho ông Huỳnh Ngọc B tổng số tiền 96.480.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc B là nguyên đơn nộp trong thời hạn quy định của pháp luật. Về tố tụng, quan hệ tranh chấp, thời hiệu khởi kiện và thẩm quyền giải quyết đã được cấp sơ thẩm xác định và thực hiện đúng theo quy định pháp luật.

[2] Đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Trần Hoàng B1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông B1 điện thoại báo với Thư ký là đang cấp cứu tại Bệnh viện Quân - Dân y tỉnh C và xin hoãn phiên tòa. Kết quả xác minh và Giấy xác nhận điều trị ngoại trú thể hiện ông B1 đến khám lúc 13 giờ 57 phút ngày 29/9/2026 vì mệt, nặng ngực, được điều trị triệu chứng và về trong ngày, không nhập viện; không có nội dung xác nhận ông B1 được cấp cứu hoặc không thể tham gia phiên tòa. Do đó, chưa có căn cứ xác định ông B1 vắng mặt vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Bị đơn là người không kháng cáo và hồ sơ đã có lời trình bày, tài liệu, chứng cứ của bị đơn. Căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu hoãn và tiến hành xét xử vắng mặt đại diện của bị đơn.

[3] Xét các yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc B Hội đồng xét xử thấy rằng:

Ông B xác định ngày 16/12/2016 âm lịch, nhằm ngày 13/01/2017 dương lịch, ông cho bà M vay 50.000.000 đồng, có lập “Giấy vay tiền”; chữ ký “M” tại mục “Bên B” do bà M ký. Bà M không thừa nhận việc vay tiền, cho rằng không quen biết ông B, không biết chữ và chữ “M” trên giấy vay không phải do bà thực hiện.

[4] Tại cấp phúc thẩm, ông B cung cấp bản chính các tài liệu có chữ ký của bà M. Trong đó, hai “Hợp đồng vay tiền” ngày 10/10/2020 âm lịch, nhằm ngày 24/11/2020 dương lịch, là tài liệu do bà M cung cấp trong vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất thụ lý số 274/2023/TLST-DS ngày 29/5/2023 giữa nguyên đơn là bà Nguyễn Kiều M, bị đơn là ông Ngô Văn M1 và bà Trần Thị N. Tại phiên tòa sơ thẩm xét xử vụ án nêu trên, người đại diện theo ủy quyền của bà M xác định đúng là chữ ký của bà M (bút lục 223, 224 biên bản phiên tòa ngày 05/5/2025). Sự thừa nhận này không vượt quá phạm vi đại diện nên được xem là sự thừa nhận của bà M theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, có căn cứ sử dụng các chữ ký này làm mẫu so sánh.

Ngoài ra, ông B còn cung cấp thêm “Hợp đồng vay tài sản” được Văn phòng công chứng Đất Mũi tỉnh C công chứng số 1727, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2023. Đối với chữ “M” trên Hợp đồng vay tài sản được công chứng ngày 29/3/2023, tại Công văn số 319/CV-CCĐM ngày 24/08/2026, Văn phòng C, tỉnh Cà Mau xác định bà M trực tiếp viết và điểm chỉ trước mặt công chứng viên, không có người cầm tay hoặc hỗ trợ. Do đó, tài liệu này có nguồn gốc rõ ràng và có căn cứ xác định chữ “M” do bà M thực hiện.

Các mẫu so sánh đều là bản chính, có nguồn gốc và người thực hiện được xác định bằng chứng cứ độc lập trước khi trưng cầu giám định. Vì vậy, việc sử dụng các chữ ký này để giám định chữ ký “M” trên Giấy vay tiền ngày 16/12/2016 là khách quan, phù hợp.

[5] Tại Kết luận giám định số 1081/KL-KTHS ngày 24/9/2026, Phòng K Công an tỉnh C kết luận:

Chữ ký mang tên Nguyễn Kiều M trên “Giấy vay tiền” đề ngày 16/12/2016 âm lịch, ký hiệu A1, với chữ ký trên hai “Hợp đồng vay tiền” ký hiệu M1, M2 và chữ ký mang tên Nguyễn Kiều M trên “Hợp đồng vay tài sản” ký hiệu M3 do cùng một người ký ra;

Chữ ký tại cột “Số tháng góp” trên hai “Giấy nhận tiền hàng tháng” ký hiệu A2, A3 với các chữ ký trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu M1, M2, M3 cũng do cùng một người ký ra.

Kết luận giám định được thực hiện trên các tài liệu bản chính, bằng các mẫu so sánh có nguồn gốc và người thực hiện đã được xác định nên có giá trị chứng minh. Bà M không cung cấp được chứng cứ làm thay đổi kết luận này.

[6] Như vậy, có căn cứ xác định chữ ký “M” tại mục “Bên B” trên Giấy vay tiền ngày 16/12/2016 âm lịch do bà Nguyễn Kiều M ký. Giấy vay thể hiện bà M vay ông B 50.000.000 đồng; các giấy nhận tiền hàng tháng có chữ ký của bà M còn chứng minh giữa hai bên có giao dịch liên quan đến khoản vay. Do đó, lời trình bày của bà M về việc không quen biết ông B, không vay tiền và không ký giấy vay không phù hợp với chứng cứ trong hồ sơ.

Bà M không cung cấp được chứng cứ chứng minh đã hoàn trả số tiền vay nên có nghĩa vụ trả cho ông B số tiền gốc 50.000.000 đồng.

[7] Đối với tiền lãi, giấy vay không ghi cụ thể mức lãi suất. Ông B trình bày hai bên có thỏa thuận trả lãi hàng tháng nhưng không xác định được mức lãi suất đã thỏa thuận và chỉ yêu cầu tính theo mức 10%/năm, tương đương 0,83%/tháng. Mức lãi suất này phù hợp khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Từ ngày 13/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm là 112 tháng, tiền lãi theo yêu cầu của ông B được xác định:

$$50.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 112 \text{ tháng} = 46.480.000 \text{ đồng}.$$

Tổng cộng bà M phải trả cho ông B 96.480.000 đồng, gồm 50.000.000 đồng tiền gốc và 46.480.000 đồng tiền lãi.

[8] Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện vì tại thời điểm xét xử chưa thu thập được bản chính tài liệu có chữ ký của bà M để làm mẫu so sánh. Tại cấp phúc thẩm, các tài liệu mẫu đã được nguyên đơn bổ sung và kết luận giám định xác định chữ ký trên giấy vay là của bà M. Chứng cứ mới làm thay đổi căn cứ giải quyết vụ án. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông B, sửa bản án sơ thẩm.

[9] Xét yêu cầu giám định lại của bà Nguyễn Kiều M: Kết luận giám định số 1081/KL-KTHS ngày 24/9/2026 được thực hiện trên bản chính tài liệu cần giám định và các mẫu so sánh có nguồn gốc rõ ràng; phương pháp giám định và kết luận đã trả lời đầy đủ nội dung trưng cầu.

Bà M cho rằng chữ “M” trên giấy vay có thể được đồ lại và giấy vay có nhiều loại mực nhưng không cung cấp chứng cứ hoặc căn cứ chuyên môn cho thấy kết luận giám định không chính xác hay việc giám định vi phạm pháp luật. Việc tài liệu có các loại mực khác nhau, nếu có, không làm thay đổi kết luận về người thực hiện chữ ký; pháp luật cũng không bắt buộc nội dung giấy vay và chữ ký phải do cùng một người viết, cùng loại mực hoặc cùng thời điểm.

Do đó, không có căn cứ giám định bổ sung theo khoản 4 hoặc giám định lại theo khoản 5 Điều 102 Bộ luật Tố tụng dân sự; không chấp nhận yêu cầu giám định lại và yêu cầu hoãn phiên tòa của bà M.

[10] Từ những căn cứ và phân tích trên, cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của ông B sửa bản án dân sự sơ thẩm, buộc bà M trả cho ông B tổng số tiền 96.480.000 đồng.

[11] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phúc thẩm phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên được chấp nhận.

[12] Về chi phí giám định: Tổng chi phí là 6.220.000 đồng. Kết quả giám định chứng minh yêu cầu giám định của nguyên đơn có căn cứ nên bà M phải chịu chi phí giám định. Do ông B đã nộp xong chi phí giám định, nên bà M phải hoàn trả cho ông B số tiền 6.220.000 đồng. Ông B đã nộp tạm ứng số tiền 7.000.000 đồng, nên được nhận lại 780.000 đồng.

[13] Về án phí dân sự

Án phí sơ thẩm: Bà M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với nghĩa vụ 96.480.000 đồng, bằng 4.824.000 đồng.

Ông B không phải chịu.

Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên ông B không phải chịu.

[14] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 296, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và các Điều 147, 148, 161 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 và 469 Bộ luật Dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của ông Huỳnh Ngọc B.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 189/2026/DS-ST ngày 25 tháng 6 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Ngọc B.

Buộc bà Nguyễn Kiều M trả cho ông Huỳnh Ngọc B tổng số tiền 96.480.000 đồng (Chín mươi sáu triệu bốn trăm tám mươi nghìn đồng), trong đó:

Tiền gốc: 50.000.000 đồng.

Tiền lãi: 46.480.000 đồng.

Kể từ ngày ông Huỳnh Ngọc B có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong, bà Nguyễn Kiều M còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Về chi phí giám định:

Bà Nguyễn Kiều M phải chịu 6.220.000 đồng chi phí giám định. Do ông B đã nộp xong nên buộc bà M hoàn trả cho ông B số tiền 6.220.000 đồng. Ông B được nhận lại số tiền 780.000 đồng.

3. Về án phí dân sự:

- Án phí sơ thẩm:

Bà Nguyễn Kiều M phải chịu 4.824.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Ông Huỳnh Ngọc B phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Ngày 16/12/2025 ông B đã nộp 2.343.000 đồng tiền tạm ứng án phí, theo Biên lai thu số

0006441, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được đổi trừ, ông B được nhận lại 2.043.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Ông Huỳnh Ngọc B không phải chịu. Ngày 15/07/2026 ông B đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu số 0000745, của Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau, được nhận lại.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 4, 7, 8, 34, 36 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Anh Tuấn

Giang Thị Cẩm Thúy

Đỗ Cao Khánh

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 - Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Cao Khánh